

CHÍNH PHỦ**NGHỊ ĐỊNH:***Chương I***NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số
109/2003/NĐ-CP ngày 23/9/2003
về bảo tồn và phát triển bền
vững các vùng đất ngập nước.**

CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày
25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày
27 tháng 12 năm 1993;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 14 tháng 7
năm 1993; Luật sửa đổi, bổ sung một số
điều của Luật Đất đai ngày 02 tháng 12
năm 1998; Luật sửa đổi, bổ sung một số
điều của Luật Đất đai ngày 29 tháng 6
năm 2001;*

*Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 20
tháng 5 năm 1998;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng
ngày 19 tháng 8 năm 1991;*

*Căn cứ Pháp lệnh Bảo vệ và Phát triển
nguồn lợi thủy sản ngày 25 tháng 4 năm
1989;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài
nguyên và Môi trường,*

Điều 1. Đất ngập nước

Đất ngập nước quy định tại Nghị định này bao gồm những vùng đất ngập nước có hệ sinh thái đặc thù, đa dạng sinh học cao, có chức năng duy trì nguồn nước và cân bằng sinh thái, có tầm quan trọng quốc tế, quốc gia.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Nghị định này quy định về bảo tồn và phát triển bền vững các vùng đất ngập nước trên phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

Tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có các hoạt động trên các vùng đất ngập nước phải tuân thủ các quy định về bảo tồn và phát triển bền vững các vùng đất ngập nước được quy định tại Nghị định này.

Trong trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia có quy định khác với Nghị định này thì áp dụng theo quy định tại Điều ước quốc tế đó.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Bảo tồn các vùng đất ngập nước* là các hoạt động khoanh vùng bảo vệ nghiêm ngặt môi trường, hệ sinh thái đặc thù, có

giá trị đa dạng sinh học cao nhằm cân bằng sinh thái, bảo vệ các giống, loài đang sinh sống, cư trú và phát triển trên các vùng đất ngập nước.

2. *Phát triển bền vững các vùng đất ngập nước* là các hoạt động sử dụng, khai thác hợp lý tiềm năng về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội trong giới hạn cho phép nhằm duy trì chức năng sinh thái và bảo vệ môi trường các vùng đất ngập nước.

3. *Hệ sinh thái đặc thù* là hệ thống các quần thể sinh vật mang tính đặc thù của vùng cùng sống và phát triển trong một môi trường nhất định, quan hệ tương tác với nhau và với môi trường đó.

4. *Đa dạng sinh học cao* là sự phong phú và đa dạng của sinh giới về nguồn gen, về giống, loài sinh vật và hệ sinh thái trong tự nhiên.

5. *Công ước Ramsar* là tên viết tắt của Công ước về các vùng đất ngập nước có tầm quan trọng quốc tế, đặc biệt như là nơi cư trú của các loài chim nước, được ký năm 1971 tại thành phố Ramsar, Cộng hòa Iran (Việt Nam là thành viên của Công ước Ramsar từ ngày 20 tháng 01 năm 1989).

6. *Khu Ramsar* là vùng đất ngập nước có đủ điều kiện đáp ứng được các tiêu chí lựa chọn của một vùng đất ngập nước có tầm quan trọng quốc tế được quy định trong Công ước Ramsar.

Điều 4. Nguyên tắc bảo tồn và phát triển bền vững các vùng đất ngập nước

Việc bảo tồn và phát triển bền vững các vùng đất ngập nước phải tuân theo các nguyên tắc sau:

1. Bảo vệ nghiêm ngặt các vùng đất ngập nước được Nhà nước khoanh vùng cho mục đích bảo tồn.

2. Kết hợp sử dụng, khai thác với bảo tồn, ưu tiên bảo tồn đối với các vùng đất ngập nước có hệ sinh thái đặc thù, đa dạng sinh học cao, có chức năng duy trì nguồn nước và cân bằng sinh thái, có tầm quan trọng quốc tế, quốc gia.

3. Tăng cường sự tham gia bảo tồn các vùng đất ngập nước của cộng đồng dân cư sinh sống trên địa bàn và các khu vực lân cận.

Điều 5. Quản lý nhà nước về bảo tồn và phát triển bền vững các vùng đất ngập nước

1. Nội dung quản lý nhà nước về bảo tồn và phát triển bền vững các vùng đất ngập nước gồm:

a) Điều tra, nghiên cứu về các vùng đất ngập nước;

b) Xây dựng cơ chế chính sách, luật pháp về bảo tồn và phát triển bền vững các vùng đất ngập nước;

c) Lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng các vùng đất ngập nước cho mục đích bảo tồn và các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội;

d) Quản lý các vùng đất ngập nước đã được khoanh vùng bảo vệ;

đ) Quản lý các hoạt động khai thác nguồn lợi và tiềm năng các vùng đất ngập nước thuộc các lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản, du lịch, giao thông, thủy lợi, thủy điện và các lĩnh vực khác có liên quan đến việc bảo tồn và phát triển bền vững các vùng đất ngập nước;

e) Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm đối với việc bảo tồn và phát triển bền vững các vùng đất ngập nước;

g) Khuyến khích và tạo điều kiện để cộng đồng, đặc biệt là những người dân sinh sống trên các vùng đất ngập nước tham gia vào việc bảo vệ các hệ sinh thái, đa dạng sinh học và bảo vệ môi trường các vùng đất ngập nước;

h) Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo tồn và phát triển bền vững các vùng đất ngập nước.

2. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về bảo tồn và phát triển bền vững các vùng đất ngập nước.

Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo tồn và phát triển bền vững các vùng đất ngập nước.

Điều 6. Các hoạt động được khuyến khích

Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư có các hoạt động sau đây:

1. Bảo vệ các hệ sinh thái, bảo vệ các giống, loài quý hiếm, các loài chim di cư và bảo vệ môi trường các vùng đất ngập nước.

2. Phục hồi các hệ sinh thái đất ngập nước đã bị suy thoái hoặc bị khai thác quá mức.

3. Tham gia giám sát các hoạt động khai thác các vùng đất ngập nước của các tổ chức, cá nhân.

4. Phát hiện và thông báo kịp thời với cơ quan chức năng về các hành vi vi phạm quy định về bảo tồn và phát triển bền vững các vùng đất ngập nước.

Điều 7. Các hành vi bị cấm

Nghiêm cấm các hành vi sau đây trên các vùng đất ngập nước:

1. Chặt, phá rừng ngập mặn, các hoạt động làm biến đổi bản chất tự nhiên, phá hủy hoặc làm tổn hại đến hệ sinh thái đặc trưng của vùng, gây ô nhiễm, suy thoái các vùng đất ngập nước.

2. Đánh bắt thủy sản, hải sản và các động vật khác ở những bãi đẻ trứng và nuôi dưỡng con non, ấu trùng.

3. Khai thác tài nguyên hoặc xây dựng công trình trên các bãi bồi non đang có rừng ngập mặn tái sinh tự nhiên.

4. Sử dụng các hình thức đánh bắt hủy diệt hàng loạt như dùng xung điện, chất nổ, hóa chất, chất độc, các loại lưới có kích thước mắt trái với quy định để đánh bắt thủy sản, hải sản trên các vùng đất ngập nước.

5. Đưa các động vật, thực vật lạ vào môi trường trên các vùng đất ngập nước gây mất cân bằng sinh thái hoặc làm biến đổi gen các động vật, thực vật tại chỗ.

6. Đổ chất thải rắn, nước thải công nghiệp và các loại chất thải khác có chứa các hóa chất độc hại chưa qua xử lý hoặc xử lý chưa đạt tiêu chuẩn môi trường vào các vùng đất ngập nước.

7. Chôn vùi chất thải, xây dựng các bãi chôn lấp chất thải trong các vùng đất ngập nước.

8. Các hoạt động làm tổn hại đến lợi ích và cuộc sống của cộng đồng dân cư sinh sống trên các vùng đất ngập nước và các vùng lân cận.

Chương II

ĐIỀU TRA, LẬP QUY HOẠCH BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CÁC VÙNG ĐẤT NGẬP NƯỚC

Điều 8. Nội dung điều tra, nghiên cứu các vùng đất ngập nước

Nội dung điều tra, nghiên cứu các vùng đất ngập nước bao gồm:

1. Điều tra, nghiên cứu về các chức năng điều hòa nguồn nước mặt và nước ngầm, các giá trị kinh tế, sinh thái, văn hóa, xã hội và đa dạng sinh học của các vùng đất ngập nước.

2. Điều tra, nghiên cứu về các giống, loài cư trú, sinh sống và phát triển trên các vùng đất ngập nước, đặc biệt là các giống loài có nguy cơ bị tuyệt chủng cao và các loài di cư.

3. Điều tra, đánh giá thực trạng bảo

tồn và phát triển các vùng đất ngập nước.

4. Điều tra, nghiên cứu xã hội học về những cộng đồng dân cư sinh sống dựa vào các nguồn lợi từ đất ngập nước.

5. Xây dựng cơ sở dữ liệu về các vùng đất ngập nước làm căn cứ cho việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất ngập nước cho các mục đích bảo tồn và phát triển bền vững các vùng đất ngập nước.

6. Kiểm kê định kỳ quỹ đất ngập nước quốc gia theo vùng, kiểu loại để phục vụ công tác quản lý.

Điều 9. Phân công, phân cấp về điều tra, nghiên cứu các vùng đất ngập nước

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường lập kế hoạch tổng thể về điều tra cơ bản, nghiên cứu và đánh giá hiện trạng môi trường các vùng đất ngập nước trên phạm vi cả nước; chủ trì việc điều tra, nghiên cứu các vùng đất ngập nước có tầm quan trọng quốc tế, quốc gia liên quan đến nhiều ngành và nằm trên địa bàn nhiều tỉnh.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thủy sản tổ chức điều tra, nghiên cứu các vùng đất ngập nước có tính chất chuyên ngành có tầm quan trọng quốc tế, quốc gia và nằm trên địa bàn nhiều tỉnh.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ trì điều tra nghiên cứu các vùng đất ngập nước không thuộc diện nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 10. Căn cứ nội dung quy hoạch các vùng đất ngập nước

1. Việc quy hoạch các vùng đất ngập nước phải dựa trên các căn cứ sau:

a) Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

b) Nhu cầu bảo tồn và phát triển bền vững các vùng đất ngập nước;

c) Công ước Ramsar;

d) Chức năng cân bằng sinh thái duy trì nguồn nước, đa dạng sinh học và tiềm năng, thế mạnh kinh tế của vùng đất ngập nước.

2. Nội dung quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững các vùng đất ngập nước bao gồm:

a) Xác định phương hướng, mục tiêu bảo tồn và phát triển bền vững các vùng đất ngập nước;

b) Xác định phạm vi và diện tích vùng đất ngập nước;

c) Xác định nội dung bảo tồn và phát triển bền vững các vùng đất ngập nước;

d) Xác định các biện pháp chính về bảo tồn và phát triển bền vững các vùng đất ngập nước;

đ) Dự báo, cảnh báo về môi trường và các biện pháp phòng tránh, giảm nhẹ tác động xấu đến môi trường.

Điều 11. Trách nhiệm lập quy hoạch và thẩm quyền phê duyệt

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì lập quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững các vùng đất ngập nước quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định này trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thủy sản lập quy hoạch bảo tồn và khai thác bền vững các vùng đất ngập nước chuyên ngành quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định này trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì lập quy hoạch bảo tồn và khai thác bền vững các vùng đất ngập nước quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định này trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt.

Chương III

BẢO TỒN ĐẤT NGẬP NƯỚC

Điều 12. Khoanh vùng bảo vệ các vùng đất ngập nước

1. Các vùng đất ngập nước quy định tại Điều 1 Nghị định này được khoanh vùng bảo vệ dưới các hình thức: khu Ramsar, khu bảo tồn thiên nhiên, khu bảo tồn loài, sinh cảnh (dưới đây gọi chung là khu bảo tồn đất ngập nước).

2. Các vùng đất ngập nước khác có tầm quan trọng đối với tỉnh, thành phố được khoanh vùng bảo vệ dưới hình thức khu bảo tồn đất ngập nước.

Điều 13. Thẩm quyền quyết định thành lập khu bảo tồn đất ngập nước

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường trình Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập các khu bảo tồn đất ngập nước quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định này.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định thành lập các khu bảo tồn đất ngập nước quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định này.

3. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thành lập khu bảo tồn đất ngập nước có quyền quyết định điều chỉnh quy mô hoặc thay đổi mục đích khu bảo tồn đất ngập nước.

Điều 14. Bảo vệ khu bảo tồn đất ngập nước

1. Khu bảo tồn đất ngập nước phải được bảo vệ nghiêm ngặt. Nghiêm cấm xây dựng công trình và di dân từ bên ngoài vào sinh sống trong các khu bảo tồn đất ngập nước.

2. Vùng đệm của các khu bảo tồn đất ngập nước phải được quản lý và hạn chế khai thác. Nghiêm cấm xây dựng các công trình trong vùng đệm có ảnh hưởng lớn hoặc tiềm ẩn nguy cơ cao đối với khu bảo tồn đất ngập nước.

3. Trong trường hợp đặc biệt cần xây dựng công trình trong khu bảo tồn và vùng đệm khu bảo tồn đất ngập nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Điều 15. Phân công, phân cấp quản lý các khu bảo tồn đất ngập nước

Việc quản lý các khu bảo tồn đất ngập nước được quy định như sau:

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xây dựng trình ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về các khu bảo tồn đất ngập nước; thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo tồn đất ngập nước và là cơ quan đầu mối quốc gia chỉ đạo thực hiện Công ước Ramsar.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thủy sản chỉ đạo và tổ chức quản lý các khu bảo tồn đất ngập nước chuyên ngành có tầm quan trọng quốc tế, quốc gia.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức quản lý các khu bảo tồn đất ngập nước khác trên địa bàn của mình.

Điều 16. Bảo tồn đa dạng sinh học không thuộc các khu bảo tồn đất ngập nước

1. Các giá trị sinh thái và đa dạng sinh học của các vùng đất ngập nước khác không thuộc các khu bảo tồn đất ngập nước phải được điều tra, nghiên cứu và có biện pháp bảo vệ.

2. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân và cộng đồng kết hợp sử dụng, khai thác bền vững với bảo tồn đa dạng sinh học trên các vùng đất ngập nước này.

*Chương IV***PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CÁC
VÙNG ĐẤT NGẬP NƯỚC**

Điều 17. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có các hoạt động trên các vùng đất ngập nước

Tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động khai thác nguồn lợi trên các vùng đất ngập nước có trách nhiệm:

1. Bảo vệ các hệ sinh thái đặc thù, bảo tồn đa dạng sinh học, động vật hoang dã, đặc biệt là các giống, loài đặc hữu, quý hiếm, đang có nguy cơ bị tuyệt chủng.

2. Bảo vệ các công trình ngăn mặn, giữ nước ngọt, các công trình tưới tiêu, hệ thống kiểm soát lũ.

3. Bảo vệ cảnh quan, môi trường, các giá trị văn hóa, di tích lịch sử trên các vùng ngập nước.

Điều 18. Hoạt động canh tác nông nghiệp

1. Hạn chế sử dụng phân bón hóa học, các hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật trong canh tác làm thoái hóa, biến chất, bạc màu đất ngập nước, đặc biệt là đất cửa sông ven biển.

2. Nhà nước khuyến khích sử dụng các loại phân bón hữu cơ, phân vi sinh, các phương thức canh tác không gây ảnh hưởng xấu đến hệ sinh thái và đa dạng sinh học các vùng đất ngập nước.

Điều 19. Hoạt động nuôi trồng thủy sản

1. Khuyến khích áp dụng các hình thức nuôi trồng thủy sản không gây tác hại xấu đến môi trường, kết hợp nuôi trồng thủy sản công nghiệp với nuôi trồng thủy sản sinh thái, nuôi trồng thủy sản theo mô hình lâm ngư, nông ngư kết hợp.

2. Hạn chế việc nuôi trồng thủy sản công nghiệp tập trung có tỷ lệ diện tích quá lớn trên diện tích vùng đất ngập nước cần bảo tồn và phát triển bền vững.

3. Việc nuôi trồng thủy sản phải đảm bảo các điều kiện vệ sinh và bảo vệ môi trường, tránh lây lan dịch bệnh đối với hệ sinh thái động vật, thực vật trên các vùng đất ngập nước.

Điều 20. Hoạt động thăm dò, khai thác đất, đá, cát, sỏi

Việc thăm dò, khai thác đất, đá, cát, sỏi trên các vùng đất ngập nước phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép và phải tuân thủ các quy định về an toàn giao thông, bảo vệ môi trường và các quy định khác liên quan.

Điều 21. Hoạt động du lịch, văn hóa, thương mại

1. Nhà nước khuyến khích phát triển du lịch sinh thái, tổ chức các lễ hội truyền thống, lễ hội dân gian trên các vùng đất ngập nước nhằm nâng cao ý thức bảo vệ thiên nhiên, môi trường trong nhân dân.

2. Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động du lịch, văn hóa, thương mại trên các vùng đất ngập nước phải có trách nhiệm

bảo vệ tài nguyên, hệ sinh thái và môi trường.

3. Các hoạt động tổ chức lễ hội, tham quan, du lịch trong khu bảo tồn đất ngập nước phải được sự đồng ý và phải tuân theo hướng dẫn của cơ quan quản lý khu bảo tồn các vùng đất ngập nước.

Điều 22. Hoạt động xây dựng công trình

Các công trình xây dựng trên các vùng đất ngập nước phải được lập báo cáo đánh giá tác động môi trường được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và phải thực hiện nghiêm các yêu cầu của quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Điều 23. Hoạt động giao thông thủy

1. Các phương tiện giao thông thủy phải có các thiết bị phòng, chống sự cố; không được xả các loại chất thải, dầu cặn chưa qua xử lý hoặc xử lý chưa đạt tiêu chuẩn môi trường xuống nguồn nước.

2. Việc nạo vét lòng sông, luồng lạch thuộc khu bảo tồn đất ngập nước phải được lập và trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường; thực hiện nghiêm các yêu cầu của quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Chương V

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 24. Khen thưởng

Tổ chức, cá nhân có thành tích và công lao trong việc bảo tồn và phát triển bền vững các vùng đất ngập nước được Nhà nước khen thưởng.

Điều 25. Xử lý vi phạm

Tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định tại Nghị định này thì tùy tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo các quy định của pháp luật.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 27. Tổ chức thực hiện

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thi hành Nghị định.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI